

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo bền vững năm 2024**  
**trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

Thực hiện Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 28-NQ/TU ngày 30/12/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XII về nhiệm vụ năm 2024;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Kế hoạch), cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

Nhằm cụ thể hóa việc triển khai và đạt được chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết số 28-NQ/TU ngày 30/12/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XII về nhiệm vụ năm 2024: “Giảm nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025): phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 2%, riêng tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 4% trở lên”. Góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông năm 2024 và cả giai đoạn 2021-2025.

**2. Yêu cầu**

- Việc thực hiện Kế hoạch phải tuân thủ các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan; các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 28-NQ/TU ngày 30/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XII về nhiệm vụ năm 2024.

- Giao Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo năm 2024 theo lĩnh vực của ngành, địa phương phụ trách.

**II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

**1. Mục tiêu**

a) Mục tiêu chung

- Tập trung giảm mạnh hộ nghèo, hạn chế tái nghèo; giảm khoảng cách tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo giữa các vùng miền và các nhóm dân cư; cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, đặc biệt là ở các địa bàn khó khăn, huyện nghèo; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo từng bước tiếp

cận tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội của tỉnh.

- Huy động nguồn lực hỗ trợ đầu tư nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng ở các thôn, xã, huyện nghèo và địa phương có tỷ lệ nghèo cao theo bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới; tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững, ưu tiên cho địa bàn nghèo và các xã nghèo xây dựng nông thôn mới.

#### b) Mục tiêu cụ thể:

- Phấn đấu đến cuối năm 2024, tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm từ 2% trở lên, riêng tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 4% trở lên.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về tiêu chí thu nhập được hỗ trợ và tạo điều kiện vay vốn phát triển sản xuất, đào tạo nghề, tạo việc làm ổn định để tăng thu nhập.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về các dịch vụ xã hội cơ bản sẽ được hỗ trợ một phần để từng bước cải thiện và tiếp cận các dịch vụ về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin.

- Triển khai thực hiện chính sách xã hội đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; thực hiện chính sách hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời hạn thụ hưởng nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận chính sách.

- Cập nhật dữ liệu, vận hành xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã và quản lý hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội chặt chẽ.

## 2. Chỉ tiêu

#### a) Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh:

- Theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2023, toàn tỉnh có 8.838 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 5,18%.

- Mục tiêu: Phấn đấu cuối năm 2024 toàn tỉnh giảm từ 2% trở lên (tương ứng với số hộ giảm trên 3.415 hộ; số hộ nghèo chung toàn tỉnh cuối năm 2024 còn 5.423 hộ, chiếm tỷ lệ 3,15%).

#### b) Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo của các huyện, thành phố

- **Huyện Krông Nô:** Theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2023, toàn huyện có 748 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 3,78%.

+ Mục tiêu giảm nghèo năm 2024 toàn huyện: Giảm từ 0,8% trở lên, tương ứng với số hộ giảm khoảng 150 hộ.

+ Cụ thể đến cuối năm 2024: Số hộ nghèo toàn huyện còn 598 hộ, chiếm tỷ lệ 2,99%.

- **Huyện Cư Júit:** Theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2023, toàn huyện có 811 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 3,70%.

+ Mục tiêu giảm nghèo năm 2024 toàn huyện: Giảm 1,4% trở lên, tương ứng với số hộ giảm khoảng 300 hộ.

+ Cụ thể đến cuối năm 2024: Số hộ nghèo toàn huyện còn 511 hộ, chiếm tỷ lệ 2,31%.

- **Huyện Đắk Mil:** Theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2023, toàn huyện có 470 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,68%.

+ Mục tiêu giảm nghèo năm 2024 toàn huyện: Giảm 0,4% trở lên, tương ứng với số hộ giảm khoảng 100 hộ.

+ Cụ thể đến cuối năm 2024: Số hộ nghèo toàn huyện còn 370 hộ, chiếm tỷ lệ 1,31%.

- **Huyện Đắk Song:** Theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2023, toàn huyện có 592 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 2,85%.

+ Mục tiêu giảm nghèo năm 2024 toàn huyện: Giảm 0,7% trở lên, tương ứng với số hộ giảm khoảng 140 hộ.

+ Cụ thể đến cuối năm 2024: Số hộ nghèo toàn huyện còn 452 hộ, chiếm tỷ lệ 2,15%.

- **Huyện Đắk R'Lấp:** Theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2023, toàn huyện có 468 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,95%.

+ Mục tiêu giảm nghèo năm 2024 toàn huyện: Giảm 0,4% trở lên, tương ứng với số hộ giảm khoảng 100 hộ.

+ Cụ thể đến cuối năm 2024: Số hộ nghèo toàn huyện còn 368 hộ, chiếm tỷ lệ 1,52%.

- **Huyện Đắk Glong:** Theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2023, toàn huyện có 2.531 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 13,44%.

+ Mục tiêu giảm nghèo năm 2024 toàn huyện: Giảm 6,4% trở lên, tương ứng với số hộ giảm khoảng 1.200 hộ.

+ Cụ thể đến cuối năm 2024: Số hộ nghèo toàn huyện còn 1.331 hộ, chiếm tỷ lệ 6,99%.

- **Huyện Tuy Đức:** Theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2023, toàn huyện có 3.131 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 18,78%.

+ Mục tiêu giảm nghèo năm 2024 toàn huyện: Giảm 8,5% trở lên, tương ứng với số hộ giảm khoảng 1.400 hộ.

+ Cụ thể đến cuối năm 2024: Số hộ nghèo toàn huyện còn 1.731 hộ, chiếm tỷ lệ 10,26%.

- **Thành phố Gia Nghĩa:** Theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2023, toàn thành phố có 87 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,42%.

+ Mục tiêu giảm nghèo năm 2024 toàn thành phố: Giảm 0,1% trở lên, tương ứng với số hộ giảm khoảng 25 hộ.

+ Cụ thể đến cuối năm 2024: Số hộ nghèo toàn thành phố còn 62 hộ, chiếm tỷ lệ 0,30%.

*(Phụ lục chi tiết đính kèm)*

### III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

**1. Phạm vi:** Thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh Đắk Nông.

**2. Đối tượng**

- Người nghèo, hộ nghèo; người cận nghèo, hộ cận nghèo; người thoát nghèo, hộ thoát nghèo trên phạm vi toàn tỉnh.

- Huyện nghèo; xã nghèo, bao gồm: Xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc; thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc; thôn, bon, buôn, bản trọng điểm.

- Các nhóm đối tượng hộ nghèo, cận nghèo theo các nhóm nguyên nhân nghèo.

### IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách, chương trình giảm nghèo phù hợp với thực tiễn; lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công chỉ tiêu, mục tiêu giảm nghèo năm 2024. Các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tập trung rà soát, phân loại ưu tiên hỗ trợ cho số hộ nghèo theo chỉ tiêu giảm nghèo năm 2024 (khoảng 3.415 hộ nghèo) tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và hỗ trợ về thu nhập. Các tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch trợ giúp nhóm đối tượng hộ nghèo thuộc hội viên, đoàn viên của đơn vị. Ngoài ra, tập trung thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

**1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo của chính quyền địa phương, phối hợp và giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể để nâng cao nhận thức, trách nhiệm, thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững, đặc biệt là công tác điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo.**

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở ban hành các chương trình, kế hoạch thực hiện giảm nghèo bền vững, giảm nghèo có địa chỉ, trước hết là phải chấp hành, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, kết luận của cấp trên về công tác giảm nghèo bền vững.

- Tùy vào tình hình cụ thể, chỉ tiêu nêu trên, các địa phương đề ra các mục tiêu và giải pháp cụ thể, thiết thực để lãnh đạo thực hiện, cần có sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp nhằm chủ động, kịp thời chỉ đạo công tác giảm nghèo, tập trung các xã, thôn, buôn, bon, bản có tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao; tăng cường kiểm tra việc thực hiện các giải pháp giảm nghèo bền vững ở địa phương, cơ sở; có nhiều hình thức, hoạt động tuyên truyền phong phú nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về thực hiện giảm nghèo bền vững, giảm nghèo có địa chỉ; khơi dậy ý chí chủ động, trách nhiệm tự lực vươn lên của người nghèo; nâng cao năng lực cộng đồng, quản lý và sử dụng

có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo bền vững. Mỗi hộ nghèo, người nghèo, địa phương nghèo phải tích cực học tập, tìm việc làm, nỗ lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Chính quyền cơ sở cần tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện tốt các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Tùy nguồn lực huy động và ngân sách địa phương, có thể ban hành chính sách giảm nghèo riêng để phù hợp với công tác giảm nghèo của huyện, thành phố.

- Điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo có ý nghĩa quan trọng, vừa là cơ sở đánh giá thực trạng và kết quả thực hiện công tác giảm nghèo, vừa là cơ sở thực hiện các cơ chế, chính sách và giải pháp giảm nghèo. Vì vậy, cần phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện theo đúng quy trình và khách quan, không chạy theo thành tích, áp đặt chỉ tiêu giảm nghèo, không để bỏ sót hộ nghèo, cận nghèo hoặc đưa vào danh sách những hộ không đủ điều kiện; đào tạo, tập huấn đội ngũ Điều tra viên chuyên nghiệp cùng với cán bộ xã, thôn thực hiện tốt điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

**2. Đẩy mạnh thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.**

- Tăng cường chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo cơ chế, chính sách khuyến khích quy định, tạo việc làm, tăng thu nhập, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững.

- Thực hiện tốt quy hoạch bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trên cơ sở lồng ghép nhiều chương trình, dự án trên cùng địa bàn để đảm bảo nguồn lực thực hiện và đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng cũng như sắp xếp, bố trí dân cư gắn với phát triển sản xuất; tăng cường thực hiện các chính sách dân tộc miền núi, quy hoạch sử dụng đất, trong đó ưu tiên bố trí đất ở, đất sản xuất cho hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

- Tổ chức thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Quá trình tổ chức thực hiện, phải phối hợp chặt chẽ để lồng ghép các hoạt động của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ưu tiên cho địa bàn xã nghèo, huyện nghèo để đầu tư đồng bộ theo bộ tiêu chí nông thôn mới.

**3. Tổ chức thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách giảm nghèo để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững theo hướng tiếp cận đa chiều**

- Thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động và giải quyết nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để tạo việc làm, nâng cao thu nhập.

+ Tiếp tục chú trọng nhân rộng, triển khai có hiệu quả các mô hình sản xuất do Nhân dân làm chủ, chính quyền hỗ trợ, có sự tham gia của doanh nghiệp, sự liên kết giữa người dân và doanh nghiệp, có đầu vào, đầu ra gắn với thị trường, kiên quyết không làm theo kiểu phong trào; trong đó, ưu tiên nguồn lực hỗ trợ cho hộ nghèo thuộc chính sách người có công và hộ nghèo đăng ký thoát nghèo bền vững. Trong quá trình thực hiện phải tăng cường lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, chính sách hỗ trợ đầu tư cho các xã nghèo, xã biên giới, xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo bền vững.

+ Căn cứ số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo đăng ký thoát nghèo, đặc điểm, hoàn cảnh, điều kiện và kế hoạch thoát nghèo của từng hộ, từng địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể; đồng thời, đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Hội, đoàn thể các cấp, các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp kết nghĩa nhận, hỗ trợ hộ đăng ký thoát nghèo.

- Thực hiện hỗ trợ hộ nghèo cải thiện chỉ số thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch - vệ sinh, thông tin, việc làm).

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, trợ giúp người nghèo, người cận nghèo, người mới thoát nghèo có cuộc sống ổn định, đảm bảo đúng đối tượng theo quy định của pháp luật, nhất là triển khai kịp thời, hiệu quả chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công với cách mạng và bảo trợ xã hội.

**4. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho các địa bàn nghèo, địa bàn có tỷ lệ nghèo cao, thôn, bon, buôn, bản trọng điểm**

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các thôn, bon, buôn, bản trọng điểm, các xã nghèo đặc biệt khó khăn và các huyện có tỷ lệ nghèo cao từ nguồn ngân sách trung ương theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các chương trình, dự án khác có liên quan; chú trọng vận động các nguồn lực xã hội để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các huyện có tỷ lệ nghèo và cận nghèo cao từ nguồn ngân sách được bố trí theo quy định của Chính phủ.

**5.** Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ đặc thù từ nguồn ngân sách địa phương phục vụ giảm nghèo bền vững: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách tại Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

**6.** Thực hiện đào tạo, tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ giảm nghèo các cấp: Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ theo dõi chương trình, đủ năng lực tham mưu triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các chính sách hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội tại địa phương. Nội dung đào tạo, tập huấn thực hiện theo hướng dẫn của trung ương và đặc điểm, thực trạng nghèo và giải pháp, chính sách giảm nghèo của tỉnh. Nguồn kinh phí thực hiện từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

**7.** Tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ thực hiện Kế hoạch

- Sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo, đặc biệt là nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Bố trí ngân sách thực hiện đồng bộ, kịp thời, đủ các chế độ, chính sách giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình, dự án trên cùng địa bàn để đạt mục tiêu giảm nghèo bền vững, nhất là lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Tiếp tục vận động các doanh nghiệp có tiềm lực kinh tế trong và ngoài tỉnh giúp đỡ các xã nghèo, huyện nghèo phát triển kinh tế - xã hội phục vụ mục tiêu giảm nghèo bền vững, trước mắt có 13 xã thuộc 02 huyện nghèo (Tuy Đức và Đắk Glong) cần vận động mỗi doanh nghiệp đỡ đầu 01 xã nghèo. Ngoài ra, phân công các cơ quan, đơn vị (cấp tỉnh, huyện, xã) kết nghĩa, giúp đỡ xã nghèo theo chức năng, nhiệm vụ và khả năng huy động nguồn lực của cơ quan, đơn vị mình để tăng cường nguồn lực cho giảm nghèo, tạo điều kiện giảm nghèo bền vững; phân công cán bộ, đảng viên nhận hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo.

**8.** Tăng cường công tác truyền thông, kiểm tra, giám sát đánh giá kế hoạch giảm nghèo ở các cấp và cơ sở

- Các cấp ủy Đảng đưa nội dung giảm nghèo vào Nghị quyết của cấp mình; đồng thời, có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đảng về công tác hỗ trợ giảm nghèo định kỳ và hằng năm.

- Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể ở các cấp và các tầng lớp Nhân dân. Đưa nội dung giám sát Chương trình mục tiêu

quốc giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 vào Chương trình công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị, tổ chức.

- Chính quyền các cấp thường xuyên chỉ đạo, thành lập các đoàn, tổ công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại địa phương theo đúng thẩm quyền quy định.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể của tỉnh xây dựng kế hoạch năm 2024 về giám sát, hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, đưa ra các giải pháp, huy động nguồn lực của Trung ương, vận động kêu gọi tiếp tục xây dựng các mô hình hiệu quả, các quỹ hỗ trợ, giúp đỡ các hội viên của Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ là hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 (ngân sách trung ương hỗ trợ, ngân sách địa phương đối ứng theo quy định và các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia), trong đó thực hiện tốt nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác để hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo bền vững đề ra; kinh phí thực hiện các chính sách về giảm nghèo của Trung ương và địa phương; nguồn huy động, đóng góp từ cộng đồng, doanh nghiệp và tổ chức xã hội, nhà hảo tâm theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên theo định mức được bố trí để thực hiện đối với các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện Kế hoạch. Trực tiếp triển khai các nội dung: truyền thông về giảm nghèo đa chiều; nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp; kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 và các chính sách giảm nghèo bền vững khác; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo bền vững theo quy định.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch giảm nghèo năm và giai đoạn gắn với thi đua khen thưởng kịp thời.

- Tổng hợp các kiến nghị về cơ chế, giải pháp bổ sung hoàn chỉnh Kế hoạch giảm nghèo bền vững năm 2024.

- Phối hợp cung cấp danh sách chi tiết hộ nghèo theo đối tượng cho các cơ quan, đoàn thể xây dựng kế hoạch giảm nghèo.



## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn các địa phương lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; phối hợp với Sở Tài chính cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

## **3. Sở Tài chính**

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này theo đúng quy định.

## **4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Hướng dẫn thực hiện các dự án, chương trình cung cấp nước sạch cho người dân; phát triển các ngành nghề nông thôn; triển khai chương trình khuyến nông, lâm, ngư, hỗ trợ xây dựng các mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, mô hình sản xuất chuyên canh tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa để người nghèo dễ tiếp cận và tham gia.

- Bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ khuyến nông cơ sở trong việc giúp đỡ, hướng dẫn các hộ gia đình vay vốn, sử dụng nguồn vốn, tổ chức sản xuất.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đảm bảo các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới ưu tiên những xã có tỷ lệ hộ nghèo cao.

- Thực hiện việc lồng ghép các chương trình của ngành với việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

## **5. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động -Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan hướng dẫn, giám sát các địa phương thực hiện Dự án “Truyền thông và giảm nghèo về thông tin”. Trực tiếp triển khai Tiểu dự án “Giảm nghèo về thông tin”. Tổng hợp báo cáo giám sát, báo cáo đánh giá theo quy định.

## **6. Sở Y tế**

Chỉ đạo các đơn vị y tế trực thuộc phối hợp với địa phương triển khai các hoạt động truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn trong lĩnh vực được phân công; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh, các cơ quan liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương thực hiện tuyên truyền tham gia bảo hiểm y tế; hướng dẫn thực hiện nội dung cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; cho chủ trương đối với công tác khám, chữa bệnh nhân đạo để các tổ chức, cá nhân thực hiện các đợt khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo, cấp phát thuốc miễn phí cho người nghèo trên địa bàn khi đủ điều kiện theo quy định.

## **7. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo, học sinh phổ thông thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ thoát nghèo và học sinh ở vùng đặc biệt khó khăn; thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các chính sách ưu đãi về giáo dục đối với trẻ mẫu giáo và học sinh phổ thông thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương có liên quan trong việc giải quyết thiếu hụt về chỉ số tình trạng đi học của trẻ em và thiếu hụt về chỉ số trình độ giáo dục của người lớn từ các nguồn kinh phí theo quy định. Ngoài ra, xây dựng kế hoạch chi tiết, dự kiến nguồn kinh phí ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách xóa tình trạng mù chữ, phổ cập giáo dục tại các địa bàn khó khăn; đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

## **8. Sở Xây dựng**

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện Tuy Đức và Đắk Glong tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố không thuộc huyện nghèo thực hiện thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định tại Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; lồng ghép các chương trình của ngành với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 liên quan (nếu có).

## **9. Sở Tư pháp**

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương thực hiện nội dung trợ giúp pháp lý cho người nghèo theo quy định.

## **10. Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị liên quan tổ chức quản lý, đảm bảo thực hiện cung cấp nguồn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách theo đúng quy định.

## **11. Cục Thống kê tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc kiểm tra, giám sát, thẩm định kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình năm 2024.

## **12. Bảo hiểm xã hội tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế thực hiện cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho người nghèo, người cận nghèo, người thuộc hộ

gia đình làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình, đối tượng bảo trợ xã hội kịp thời, đảm bảo việc khám, chữa bệnh theo quy định.

### **13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể tỉnh**

Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia hưởng ứng Phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; vận động nguồn kinh phí cho Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa và an sinh xã hội”. Vận động các nguồn lực hỗ trợ giảm nghèo bền vững; xây dựng và nhân rộng các mô hình tiên tiến về giảm nghèo bền vững; tổ chức giám sát và phản biện xã hội về giảm nghèo bền vững.

### **14. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

Xây dựng kế hoạch giảm nghèo cụ thể của địa phương phù hợp với thực tiễn; nội dung của kế hoạch phải xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng phòng, ban, đơn vị, cá nhân trong lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc thực hiện; xây dựng chỉ tiêu giảm số hộ nghèo, hộ cận nghèo đến từng xã, phường, thị trấn. Tổ chức thực hiện đầy đủ các chính sách giảm nghèo chung và các dự án Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Bố trí kinh phí thực hiện đầy đủ các chính sách giảm nghèo chung theo phân cấp quản lý. Kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện đối với cấp xã. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững vào cuối năm 2024 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, yêu cầu các Sở, Ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch của đơn vị, địa phương để thực hiện các nhiệm vụ được giao trước ngày 31/3/2024; báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/6/2024), 01 năm (trước ngày 15/12/2024) về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)./. *St*

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy (p/h chỉ đạo);
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH Đắk Nông;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Q).

(B/c)



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tôn Thị Ngọc Hạnh**



**CHI TIẾT LỘ TRÌNH GIẢM TỶ LỆ HỘ NGHÈO 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số **97** /KH-UBND ngày **20/02/2024** của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Huyện, thành phố	Kết quả rà soát hộ nghèo cuối năm 2023			Kế hoạch thực hiện Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2024				
		Tổng số hộ chung cuối năm 2023	Tổng số hộ nghèo cuối năm 2023	Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 (%)	Số hộ chung dự kiến cuối năm 2024	Số hộ nghèo dự kiến giảm năm 2024	Tỷ lệ dự kiến giảm năm 2024 (%)	Số hộ nghèo tương ứng cuối năm 2024	Tỷ lệ dự kiến cuối năm 2024
01	Krông Nô	19.775	748	3,78	19.975	150	0,8	598	2,99
02	Cư Jút	21.931	811	3,70	22.131	300	1,4	511	2,31
03	Đắk Mil	27.969	470	1,68	28.169	100	0,4	370	1,31
04	Đắk Song	20.807	592	2,85	21.007	140	0,7	452	2,15
05	Đắk R'Lấp	23.970	468	1,95	24.170	100	0,4	368	1,52
06	Tuy Đức	16.674	3.131	18,78	16.874	1400	8,5	1.731	10,26
07	Đắk Glong	18.832	2.531	13,44	19.032	1200	6,4	1.331	6,99
08	Gia Nghĩa	20.592	87	0,42	20.792	25	0,1	62	0,30
<b>Toàn tỉnh</b>		<b>170.550</b>	<b>8.838</b>	<b>5,18</b>	<b>172.150</b>	<b>3.415</b>	<b>2,0</b>	<b>5.423</b>	<b>3,15</b>